

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2026/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương
ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo
và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 65/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về cơ chế chính sách cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2805/TTr-STC ngày 31 tháng 3 năm 2026 về việc đề nghị ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Văn bản số 6997/STC-TH&QLNS ngày 25 tháng 5 năm 2026 về việc tham mưu xây dựng dự thảo Quyết định quy phạm pháp luật;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.
2. Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

b) Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Linh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác
qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo
và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND)**

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nguồn vốn ngân sách tỉnh trích hằng năm (tùy theo tình hình thực tế của địa phương và khả năng cân đối ngân sách) ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh quyết định.

2. Nguồn tiền lãi còn lại từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hằng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại điểm c khoản 3 và khoản 4 Điều 9 Quy chế này.

3. Nguồn từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa (nếu có).

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh giao Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

Điều 4. Quy trình chuyển vốn ngân sách địa phương hằng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Hằng năm, trên cơ sở đề xuất của Chi nhánh NHCSXH tỉnh, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương, cơ quan tài chính tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định bố trí kinh phí ngân sách địa phương ủy thác sang Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

2. Hình thức cấp phát: Lệnh chi tiền.

3. Hạch toán chi ngân sách nhà nước: Theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Đối tượng cho vay

Đối tượng cho vay theo các chương trình cho vay tại Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định về cơ chế chính sách cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các đối tượng cho vay theo Quyết định số 46/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ ủy thác qua NHCSXH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và theo các hướng dẫn của NHCSXH.

Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ; hướng dẫn của NHCSXH và theo từng chương trình cho vay cụ thể tại Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của HĐND tỉnh và Quyết định số 46/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh.

Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định về cơ chế chính sách cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và tại Quyết định số 46/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ ủy thác qua NHCSXH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và theo các hướng dẫn của NHCSXH.

Điều 8. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Về thẩm quyền gia hạn nợ do Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH nơi cho vay xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

Chi nhánh NHCSXH tỉnh quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của Chi nhánh NHCSXH tỉnh và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

1. Trích lập rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của NHCSXH và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

2. Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo dư nợ cho vay bình quân, mức phí quản lý bằng 0,4% dư nợ cho vay bình quân/tháng. Trường hợp lãi thu được sau khi trích Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo quy định, ngân sách tỉnh cấp bù phần còn thiếu cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

3. Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được và được chi cho các nội dung sau:

a) Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát và các nội dung liên quan đến hoạt động cho vay từ nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương được thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên và các văn bản hướng dẫn khác của pháp luật, của NHCSXH theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định.

b) Nội dung và mức chi cho công tác khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương: Giao Sở Tài chính phối hợp Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh quy định theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với hướng dẫn NHCSXH và tình hình thực tế của địa phương.

c) Kết thúc năm ngân sách, kinh phí được trích không sử dụng hết (nếu có), Chi nhánh NHCSXH tỉnh hạch toán bổ sung nguồn vốn ủy thác để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh, báo cáo Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH theo quy định tại Điều 2 Quy chế này.

Chi nhánh NHCSXH tỉnh quyết định, thực hiện chi tiêu tại chi nhánh và các phòng giao dịch NHCSXH theo chế độ, tiêu chuẩn định mức chi tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Phần còn lại (nếu có), được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định.

Điều 10. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét, xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH do HĐND tỉnh quy định.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác.

4. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo UBND tỉnh bổ sung ngân sách tỉnh để xử lý hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách tỉnh chuyển qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Việc rà soát tình hình sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện hằng năm cùng thời điểm quyết toán ngân sách.

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/7 năm báo cáo), hằng năm (trước ngày 15/01 năm sau) hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng

nguồn vốn, kết quả cho vay, tình hình quản lý, việc phân phối và sử dụng tiền lãi cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND tỉnh, Sở Tài chính.

2. Định kỳ hằng quý, hằng năm Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh tình hình thực hiện nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính

a) Hằng năm, căn cứ tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách địa phương, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bổ sung nguồn vốn ủy thác cho NHCSXH trong kế hoạch đầu tư công theo quy định để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra (khi cần thiết) tình hình thực hiện, kết quả sử dụng vốn ngân sách ủy thác, việc phân phối và sử dụng số tiền lãi thu được, kiểm tra các đối tượng vay vốn.

c) Chủ trì, phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh và các đơn vị liên quan báo cáo UBND tỉnh xem xét, bổ sung nguồn vốn ngân sách địa phương để xử lý rủi ro hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ngân sách địa phương đã thực hiện ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh (trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp để xử lý nợ rủi ro).

d) Phối hợp với Sở Nội vụ, Chi nhánh NHCSXH tỉnh thẩm định hồ sơ hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn bị rủi ro để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Sở Nội vụ

Chủ trì phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xử lý nợ rủi ro theo Điều 10 Quy chế này và xử lý các đối tượng vay vốn quá hạn theo quy định.

3. Các sở, ngành khác có liên quan

Phối hợp thẩm định hồ sơ hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn bị rủi ro (khi có đề nghị) để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ Tiết kiệm và Vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

5. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo đúng quy định của pháp luật và quy định tại quy chế này.

b) Hướng dẫn nghiệp vụ; thực hiện quy trình thủ tục cho vay; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình tín dụng chính sách theo quy định.

c) Quản lý và sử dụng vốn ủy thác, sử dụng lãi cho vay theo đúng các quy định của pháp luật và quy định tại quy chế này.

d) Thực hiện giải ngân, thu hồi nợ; sử dụng vốn thu hồi để cho vay quay vòng đúng quy định.

đ) Chủ trì kiểm tra, rà soát gửi Sở Nội vụ, Sở Tài chính hồ sơ đề xuất các trường hợp xử lý nợ rủi ro theo Điều 10 Quy chế này.

e) Hoàn trả vốn ngân sách địa phương ủy thác khi có yêu cầu của UBND tỉnh.

g) Chủ động phối hợp với các sở, ngành có liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành sửa đổi, bổ sung các quy định quản lý, sử dụng nguồn vốn ủy thác; cơ chế, xử lý nợ rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan theo quy định.

6. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Chịu trách nhiệm xác nhận hồ sơ, đối tượng vay vốn theo quy định.

b) Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, phòng giao dịch NHCSXH nơi cho vay, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, phòng giao dịch NHCSXH nơi cho vay xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn... (nếu có), hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi... (nếu có).

7. Trách nhiệm của người vay vốn

a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích; Hoàn trả gốc, lãi vốn vay đúng thời hạn theo quy định.

c) Trường hợp chây ì không trả nợ gốc, lãi và sử dụng vốn từ ngân sách địa phương không đúng mục đích sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Xử lý vi phạm

Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

Trường hợp các văn bản trích dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.